

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28/9/2021
(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiếu.
2. Bà Phan Thị Hạnh Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại D2 Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa:

Bà Lê Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2021/TLSTST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị D1, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn GL, xã TT, huyện TTh, tỉnh T2 (chị D1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Văn D2, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn RT, xã TP, huyện T1, tỉnh T2 (anh D2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình hòa giải, nguyên đơn là chị Vũ Thị D1 trình bày:

Chị và anh Lê Văn D2, sinh năm 1992, có địa chỉ: Thôn RT, xã TP, huyện T1, tỉnh T2 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 23/4/2019 được Ủy ban nhân dân xã TP, huyện T1, tỉnh T2 chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh D2 ham chơi không chăm lo cho vợ con, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2020, không ai còn quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm không còn, không thể quay về chung sống và đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D2.

Về con chung, chị D1 và anh D2 có 01 con chung là Lê Thị TD, sinh ngày 26/10/2019, hiện nay con Dương đang ở với chị D1. Khi ly hôn, chị D1 đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị TD; chị D1 không yêu cầu anh D2 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi cho anh Lê Văn D2 thông báo thụ lý, thông báo đến phiên công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh D2 không đến Tòa án.

Tại Biên bản xác minh ngày 26 tháng 8 năm 2021 tại UBND xã TP, ông Lê Văn Đ, sinh năm 1963, trú tại thôn RT, xã TP, huyện T1, tỉnh T2 (ông Đ là bố đẻ anh Lê Văn D2), ông Đăng trình bày:

Anh Lê Văn D2 và chị Vũ Thị D1 kết hôn vào ngày 23/4/2019 được Ủy ban nhân dân xã TP, huyện T1, tỉnh T2 chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh D2 và chị D1 chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể như thế nào thì gia đình ông không nắm được. Hiện nay chị D1 xin ly hôn quan điểm của anh D2 và gia đình là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, anh D2 và chị D1 có 01 con chung là Lê Thị TD, sinh ngày 26/10/2019, hiện nay con TD đang ở với chị D1; quan điểm của gia đình là về nuôi con là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo ông Đ, chị D1 và anh D2 có tài sản chung và nợ chung không gia đình không nắm được. Theo ông Đ, gia đình ông có nhận được các văn bản của Tòa án, đã thông báo cho anh D2, tuy nhiên hiện nay anh D2 đang đi làm ăn xa, địa chỉ cụ thể gia đình không nắm được. Biên bản có sự chứng kiến của ông Phan Văn Ng, cán bộ tư pháp và xác nhận của ông Phạm Mạnh Th, Phó Chủ tịch UBND xã TP.

Tại biên bản xác minh ngày 26 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở UBND xã TP, huyện T1, ông Phạm Mạnh Th, Phó Chủ tịch UBND xã và ông Phan Văn Ng, Cán bộ Tư pháp UBND xã TP cung cấp:

Anh Lê Văn D2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn RT, xã TP, huyện T1, tỉnh T2. Chị Vũ Thị D1 và anh Lê Văn D2 tự nguyện tìm hiểu, kết hôn tại UBND xã TP vào ngày 23/4/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng anh D2 và chị D1 chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được. Nay chị D1 có đơn xin ly hôn anh D2 quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về quan hệ con chung, quá trình chung sống, anh D2 và chị D1 có 01 con chung là Lê Thị TD, sinh ngày 26/10/2019. Hiện nay con chung của anh chị đang ở với chị D1, nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì đề nghị giải quyết con chung theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh D2 và chị D1 có tài sản chung, nợ chung hay không địa phương không nắm được. Anh D2 đang đi làm ăn xa, địa chỉ cụ thể ở đâu địa phương không nắm được. Anh D2 vẫn thường xuyên về thăm gia đình tại địa phương.

Tại phiên công khai chứng cứ, hòa giải lần 01 ngày 16/8/2021 và phiên hòa giải lần 02 ngày 27/8/2021, chị D1 có mặt, anh D2 đều vắng mặt không có lý do. Ngày 14/9/2021, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, chị D1 có mặt, anh D2 không

đến phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào ngày 28/9/2021.

Tại phiên tòa hôm nay, anh D2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị D1 có đơn xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh D2.

Tại phiên tòa, đại D2 Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Vũ Thị D1 được ly hôn anh Lê Văn D2. Về con chung, giao cho chị D1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị TD, sinh ngày 26/10/2019; anh D2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D1; anh D2 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Vũ Thị D1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Lê Văn D2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D1 và anh D2.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Vũ Thị D1 và anh Lê Văn D2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của chị D1 cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án nên xác định: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh D2 không chịu tu chí làm ăn, vợ chồng khác biệt về quan điểm sống, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau nên cuộc sống không hạnh phúc. Anh D2 và chị D1 đã sống ly thân từ cuối năm 2020.

[2.2] Chị D1 có đơn xin ly hôn, Tòa án đã ra thông báo thụ lý, thông báo đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, anh D2 có biết nhưng không đến Tòa án. Tòa án đã tổ chức hòa giải hai lần, anh D2 đều vắng mặt, qua gia đình anh có ý kiến là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại các phiên tòa, anh D2 đều vắng mặt, anh cũng không đưa ra được biện pháp để vợ chồng trở về đoàn tụ; chị D1 kiên quyết xin ly hôn, bản thân anh D2 và chị D1 đã sống ly thân từ cuối năm 2020. Như vậy, có thể thấy tình cảm vợ chồng của chị D1 và anh D2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Vũ Thị D1 được ly hôn anh Lê Văn D2.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, anh D2, chị D1 có 01 con chung là con chung Lê Thị TD, sinh ngày 26/10/2019. Hiện nay con chung dưới 36 tháng tuổi và đang ở với chị D1, anh D2 đang đi làm ăn xa. Vì vậy cần giao cho chị D1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị TD. Anh D2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D1; anh D2 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung

không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị D1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Vũ Thị D1 được ly hôn anh Lê Văn D2.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị D1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Thị TD, sinh ngày 26/10/2019. Anh Lê Văn D2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D1; anh D2 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn là chị Vũ Thị D1 phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D1 đã nộp theo Biên lai số 0002181 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T2, chị Vũ Thị D1 đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã TP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đông Ngọc Huyền